

# “VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI”: MỘT SỬ LIỆU QUAN TRỌNG

TÔN THẤT THIÊN

Đối với thường dân, và ngay cả đối với đại đa số đảng viên, Đảng Cộng Sản là một cấm cung kiểu chế độ vua chúa Á Đông. Sau những hào sậu, tướng cao, cửa dày có lính gác cấm mật, không ai biết được vua và quan của triều đình đang làm gì, và dự định gì. Riêng về ĐCS Việt Nam thì báo chí và trí thức thiên tả của Tây phương hằng nói với giọng có vẻ sợ sệt vừa khâm phục tính cách kỷ luật triệt để và “nhất trí như một tảng đá không có rạn nứt” (monolithique) của nó và uy thế tuyệt đối của ông Hồ Chí Minh trong đảng đó. Dân nghe vậy, tin vậy. Nhưng sự thực thì lại khác.

Gần đây, ĐCSVN bắt đầu mất tính cách “cấm cung” của nó, và hình ảnh của một đảng “nhứt trí như một tảng đá không có rạn nứt” cũng bắt đầu mất tính cách khả tin của nó. Những dữ kiện về các “ông lớn” của đảng và lễ lối phong cách của họ đã bị những người trong cuộc tiết lộ dần dần, qua những tác phẩm của họ, qua những đơn thư khiếu về những vụ bất công, qua những tố cáo về cư xử vô nhân đạo, bất nhân bất nghĩa, của những lãnh tụ quyền thế của Đảng đối với những đảng viên trung kiên nhưng bất đồng ý kiến với họ.

Đứng đầu trong những tiết lộ kể trên có lẽ là tác phẩm *Mặt Thật* của Bùi Tín (*Mặt Thật*, Irvine, Saigon Press, 1993). Theo tôi biết, đây là lần đầu tiên bí mật nội cung của ĐCSVN được đưa ra ánh sáng. Tiếp theo là một loạt ấn phẩm có tính cách tố cáo những hành vi bất chính, thô bạo, trắng trợn bất chấp dân chủ và công lý, bất nhân, vô đạo đối với những cán bộ trung kiên đã hy sinh rất lớn để đưa Đảng lên địa vị ngày nay. Đó là những bản cáo trạng của những người mà nay tên tuổi rất quen thuộc với đại chúng: Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà...

## Một sử liệu quan trọng

Gần đây nhất, và phong phú nhất, là tác phẩm của ông Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc hội* (Westminster, CA, Văn Nghệ, 1995). Đây là sử liệu quan trọng nhất từ trước đến nay về lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam vì ông Trấn là một đảng viên rất kỳ cựu của đảng đó (ông vào Đảng từ năm 1937), và đồng thời là một cán bộ cao cấp của nó đã giữ những chức vụ rất lớn trong Đảng và đóng một vai trò rất quan trọng trong hàng ngũ lãnh đạo đảng đó trong những giai đoạn lịch sử, như tổ chức cuộc cướp chính quyền ở Sài Gòn tháng Tám, 1945

và đại biểu Miền Nam tại Đại Hội II, đại hội then chốt của Đảng, năm 1951. Đặc biệt nhất là ông N.V.Trấn là một nhân chứng ở một vị thế mà ít ai có được, và thêm vào đó, ông ấy có biệt tài viết rất rõ ràng, giản dị, lưu loát và hấp dẫn. Ngoài giá trị sử liệu của nó, *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội* cũng là một tác phẩm rất có giá trị về phương diện văn chương.

Ông Trấn đã biết rất nhiều, vì ngoài việc ông đã nắm nhiều chức vụ và đóng nhiều vai trò quan trọng, ông còn có quen biết, và quen thân, tất cả những cán bộ cách mạng lão thành ở Miền Nam, và cán bộ cao cấp của Đảng trong toàn quốc. Cho nên tác phẩm có tính cách hồi ký của ông là một kho tàng cho những người tìm biết và hiểu bản chất và bản lĩnh của đảng đó.

Trong khuôn khổ một bài ngắn như bài này không thể đề cập đến tất cả những điểm rất quan trọng mà ông Trấn đã nêu ra. Tôi chỉ nói đến hai vấn đề mà tác phẩm *Viết cho Mẹ và Quốc hội* đã làm sáng tỏ. Một vấn đề liên quan đến bản chất của Đảng, đặc biệt là tính cách tai hại kinh khủng của “dân chủ tập trung.” Một vấn đề thứ hai liên quan đến sự lãnh tụ của ĐCSVN khoe bản lĩnh và kể công lao của mình và lơ công lao của những người khác trong sự phục hồi độc lập của xứ sở.

## Dân chủ tập trung:

### Lê Đức Thọ lấn áp ông Hồ

Chúng ta đều biết rằng theo chủ thuyết Lê-nin/nit/bôn-sê-vích đảng cộng sản phải là một đảng tổ chức như quân đội, theo một kỷ luật sắt và áp dụng triệt để nguyên tắc “dân chủ tập trung.” Những chuyên gia về Lenin và chủ thuyết Leninist nhấn mạnh rằng Lenin quan niệm “dân chủ tập trung” là sự tập trung toàn bộ quyền lực vào lãnh đạo, và cuối cùng, vào một người lãnh tụ. Ở cấp quốc tế, lãnh tụ đó là chủ tịch Đệ tam Quốc tế, đương nhiên là thủ trưởng Đảng Cộng Sản Nga — Lê-nin, rồi Stalin, và cứ thế cho đến Gorbachev, người cuối cùng — và ở cấp phân bộ quốc gia, người đó là thủ trưởng đảng cộng sản sở tại.

Ở Việt Nam, trong một thời gian rất lâu, vì bị ảnh hưởng của tuyên truyền của ĐCSVN, mà hiệu lực gia tăng qua sách báo của những giới thiên tả ngoại quốc, người Việt tin rằng ông Hồ Chí Minh là lãnh tụ thật sự của ĐCS và nước Việt Nam. Những tiết lộ cục bộ của Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, về sự im lặng của ông Hồ trong vụ

“xét lại” — mà họ và không không biết bao nhiêu cán bộ trung kiên và cao cấp của Đảng là nạn nhân — làm cho người ta nghĩ rằng ông Hồ cũng đồng tình với Lê Đức Thọ và nhóm theo Trung Cộng hồi đó. Nhưng, nay, qua những tiết lộ của ông N.V.Trần, ta thấy quyền lực trong Đảng, vì một cách áp dụng nào đó, đã thực sự rơi vào tay Lê Đức Thọ và bè lũ của y. Ông Trần đã thuật lại tiết lộ của Bùi Công Trừng, cũng là một cán bộ cao cấp quan trọng bị thanh trừng trong vụ “xét lại,” tại buổi họp then chốt thứ chín của Trung ương Đảng vào cuối năm

1963: *ông Hồ tuy chủ trì buổi họp mà lại ngồi ngó ra sân, và giờ tay xin nói nhiều lần bị Lê Đức Thọ gạt đi không cho nói* (xem trang 326-330). Và như ta biết, qua Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu, ngay cả trợ lý của ông, là Vũ Đình Huỳnh, khi bị tố, nhìn qua ông để kêu cứu, thì ông lại quay mặt chỗ khác lơ đi. Đó là vì ngay cả ông ta cũng sợ Lê Đức Thọ. Và cũng theo Hoàng Minh Chính, sau 1963 ông Hồ chẳng còn quyền lực quyền hành gì, chỉ ngồi chơi xơi nước (*Ngày Nay*, 15/1/1996).

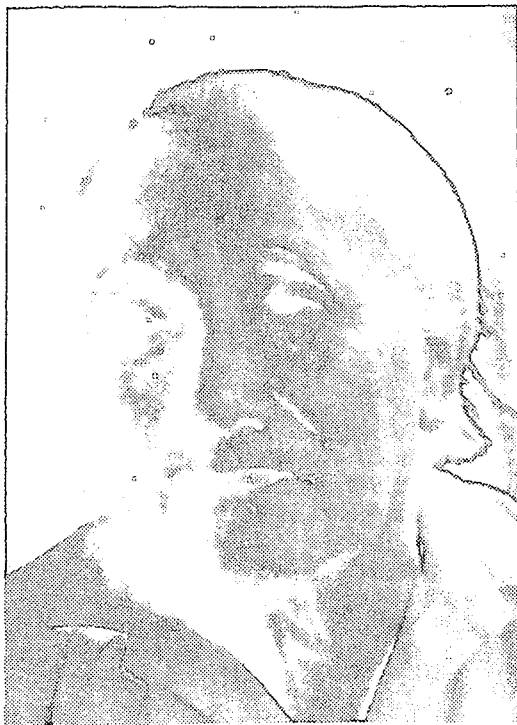
Những dữ kiện trên đây chứng minh rất rõ ràng sự thực sau đây: nguyên tắc “kỷ luật sắt” kèm với nguyên tắc “dân chủ tập trung” áp dụng đúng theo Lê-nin chủ trương đã đưa đến sự một cá nhân tiếm toàn quyền đảng, trong đó có cả quyền sinh tử, tù đày, cất chức, bổ dổi, hành hạ bất kỳ ai, kể cả đảng viên kỳ cựu và trung kiên, mà không cần đếm xỉa gì đến luật pháp của nước cũng như nội quy của Đảng!

Thật là kinh khủng! Ngoài ông Hồ, ta còn biết thêm rằng Thủ tướng và Chủ tịch nước Việt Nam cũng phải than phiền chẳng có quyền hành gì! Ông Phạm Văn Đồng than thở khi vào Nam: “*ce n'est pas moi qui décide!*” (“Quyền quyết định không phải trong tay tôi”) — nghĩa là: nó ở trong tay người khác. Ai? Lê Duẩn, hay đúng hơn: Lê Đức Thọ) (xem sách, trang 243). Ở một dịp khác, ông P.V.Đông than thở là “mình muốn làm gì họ cũng không cho làm.” Rồi ngay cả ông Tôn Đức Thắng cũng phải thốt ra một câu bất hủ. Vì tính cách bất hủ này nên tôi xin trích nguyên văn của sách: “*Đu mẹ, tao cũng sợ nó, mà y biểu tao dám nói cái gì?*” (xem trang 267).

## “Họ” và “nó” là ai?

“Họ” của ông P.V.Đông, “nó” của ông Tôn Đức Thắng là ai, mà quyền lực ghê gớm thế? “Họ” còn cao hơn Thủ tướng, và ngay cả Chủ tịch nước cũng phải sợ “Nó.” Như thế thì trong toàn quốc, toàn Đảng còn ai dám ngoe ngoe gì? Nhiều đảng viên kỳ cựu khác cũng có nói đến sự sợ sệt làm cho mình tê liệt, cứ sợ sớ hờ. Như Vũ Cận chẳng hạn. Người cộng sản kiểu mẫu này đã phải “luôn tâm niệm giữ mình, viết lách công khai

đúng như những chuẩn mực của “chủ nghĩa hiện thực phải đạo, nói năng và ứng xử như kính sách dạy, để bố và cả gia đình yên thân.” (xem “Thơ gửi các con” trong *Thông Luận* số 67, tháng Một năm 1994). Còn cán bộ, đảng viên, công chức đi dự hội nghị thì phải nói ngược những gì mình nghĩ thực sự để tránh tai họa cho bản thân. Như Tướng Trần Độ nói: về những báo cáo, phát biểu công khai ở các cuộc mít tinh, hội thảo, học tập “không nên chú quan dựa vào đó vì những người nói ở đây (có khi là tất cả) không nói được những ý kiến trung thực của mình.” Tại sao? Vì “mọi ý kiến khác với lãnh đạo đều bị coi là sai lầm, có khi bị đẩy sang phía “kẻ thù” để rồi những người có ý kiến ấy bị đàn áp như “kẻ thù.”” (“Góp ý kiến về



Nguyễn Văn Trần

Đại Hội VIII.” *Diễn đàn*, số 46, 11/1995). Và, như ông N.V.Trần nói: “thân phận đảng viên bị người nhơn danh “dân chủ tập trung” mà coi như kiến cỏ...” (xem trang 231)

“Dân chủ tập trung” đã, và đang, đưa nước Việt Nam vào một tình trạng lụn bại tụt hậu nhục nhã. Nhiều đảng viên đã lên tiếng, và chính ông N.V.Trần cũn đã nhấn mạnh điều này, như đã nói ở một đoạn trên. “Dân chủ tập trung” cũng đã, và đang, làm cho dân chúng chán ngán về ĐCSVN và làm cho đảng viên của đảng đó trở thành kiến cỏ. Nó đã, và đang, cản trở đường tiến của dân tộc, và đường thoát của ĐCSVN ra khỏi thế kẹt hiện tại, làm cho đảng đó bị dân chúng hờ oán, phỉ nhổ. Tất cả những tệ hại đó, chỉ để cho một cá nhân và bè lũ thao túng, bất chấp hậu quả cho xứ, cho dân, và cho chính ngay ĐCS.

Ngày nào mà các đảng viên cán bộ sáng suốt và lương thiện của Đảng còn ủng hộ quan điểm

phải bám vào “dân chủ tập trung” như nguyên tắc chỉ đạo bất di bất dịch của Đảng thì ngày đó tình trạng nói trên vẫn tồn tại, và mang tai hại lớn cho dân tộc, và cho chính họ. Vậy họ cần suy nghĩ chính chắn và có những thái độ và biện pháp thích nghi, đặc biệt là đòi dẹp bỏ cái phương thức “dân chủ tập trung” đó đi và thay thế nó bằng phương thức dân chủ đa số, để có thể thay đổi tình trạng bế tắc kinh khủng mà dân tộc Việt Nam cũng như họ là nạn nhân oan uổng. Nhờ ông N.V.Trần chúng ta thấy rõ thêm vấn đề này.

### Vấn đề bản lĩnh và công lao ĐCSVN

Vấn đề thứ hai xuất phát từ sự tự đắc và kiêu ngạo của các lãnh tụ ĐCSVN. Họ không ngừng ca ngợi công lao của mình trong sự phục hồi độc lập cho xứ sở. Không những họ luôn luôn hạ giá những phong trào tranh đấu cho độc lập và những lãnh tụ của các phong trào đó — Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Đề Thám, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học v.v. và họ tránh nhắc tới sự đóng góp của những đảng phái hay thành phần đã liên kết và sát cánh với họ trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho xứ sở, ví dụ Đảng Dân Chủ, Đảng Xã Hội, và các lãnh tụ của các đảng đó. Họ hoàn toàn không nhắc tới những đảng này và lãnh tụ của nó khi nói đến lịch sử đấu tranh giành độc lập.

Phần khác, họ gạt ra ngoài những yếu tố quốc tế rất quan trọng, nếu không nói là quyết định, trong sự Việt Nam thu hồi được độc lập sau khi Chiến tranh thế giới II kết thúc. Các vị Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Tôn Thất Thuyết, Đề Thám, Nguyễn Thái Học, không đạt được kết quả mong muốn vì tình hình quốc tế thời của họ không cho phép. Trước và ngay sau Chiến tranh thế giới II Pháp là một đại cường quốc, ngang hàng với Nga và Hoa Kỳ. Uy thế của Pháp rất lớn không những ở Âu Châu, mà cả ở Á Châu. Nhật Bản phải nể nang Pháp nhiều trước 1940.

Chỉ sau 1940, sau khi Pháp bị Đức đánh bại, quân đội Pháp bị giải giáp, chính quốc không còn cứu viện Đông Dương được. Nhật mới dòm ngó đến xứ này. Và đến tháng Ba, 1945, Nhật mới lật đổ chính quyền Pháp ở nơi đây. Tuy vậy cho đến khi chính Nhật cũng bị đánh bại và không còn thế và khả năng duy trì quyền lực ở Đông Dương nữa, những phong trào độc lập ở đây vẫn không cục cựa được, hoặc vì chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương vẫn còn thừa lực lượng quân sự để đàn áp những phong trào chống Pháp, hoặc vì quân đội Nhật ở Đông Dương rất đông, dư sức duy trì quyền uy của họ. Chỉ sau khi chính Nhật bị Mỹ đánh bại những phong trào này mới có cơ hội nổi lên cướp chính quyền mà không bị một sự đàn áp hay cản trở nào.

Cho nên, sự thành công trong công cuộc giành độc lập tùy thuộc ở ba yếu tố lớn: 1/ cơ hội do biến chuyển tình hình quốc tế mang đến; 2/ sự hợp tác của những đoàn thể không thuộc ĐCSVN; 3/ dân chúng Việt Nam.

Về thứ nhất, ông N.V.Trần, một người công lao rất lớn trong sự thành công của Cách mạng tháng Tám ở Nam Kỳ, viết trong *Viết cho Mẹ và Quốc hội*:

“Cách mạng tháng Tám ở Sài Gòn mà thắng lợi là cũng nhờ cơ hội điều kiện thuận tiện giúp cho nó mà thôi.

Coi, tôi là người tổ chức cuộc cướp chính quyền mà thiệt tôi có làm gì được nhiều đâu.

Ta thành công là nhờ điều kiện đồng minh thắng. Nhật thua. Không có cái đó a! Ngay nước hùng cường Trung Hoa trước đây cũng có nói, họ cố sức chạy cho mau. Trái đất tròn. Chạy một hồi họ ở sau lưng địch. Thành ra ta đuổi địch, chỗ đâu phải địch rượt ta” (xem trang 124)

### ĐCSVN lơ sự đóng góp của các đảng khác

Về điểm thứ hai, trong sách, ông N.V.Trần nói đến sự phản đối của ông Nguyễn Xiển, Tổng Thư ký Đảng Xã Hội, phản đối Đảng Cộng Sản về việc Đảng lơ không nhắc gì đến sự đóng góp của các đảng khác trong đó có Đảng Xã Hội. Trong một bức thư cho ông Đỗ Mười, mà ông Trần đăng lại nguyên văn, ông Xiển viết:

*“Việc viết lịch sử cách mạng Việt Nam gần đây trong đó có lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam, thường quá chú trọng đến thành tích quy công cho Đảng, nhưng lại chưa nêu đúng mức hoặc bỏ qua những sai lầm khuyết điểm (thậm chí có lúc nghiêm trọng) cũng như vai trò đóng góp của quần chúng, những người ngoài đảng. Bản sơ thảo lịch sử Quốc hội Khóa I là một ví dụ. Những bài viết về tôi đăng trên một số báo gần đây không dám đề cập đến hoạt động 40 năm của tôi trong Đảng Xã Hội Việt Nam”* (xem trang 371).

Về điểm cuối cùng này, Tướng Trần Độ cũng đã có ghi như sau trong bài “Góp ý kiến về Đại hội VIII” đã được nêu lên ở đoạn trên:

*“Khi đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng ta, ta gần như lãng quên một sự kiện lịch sử rất quan trọng: sự nghiệp giải phóng dân tộc không phải là sự nghiệp và thành công riêng của Đảng. Trong sự nghiệp đó, có phần đóng góp có ý nghĩa quyết định của đa số nhân dân, mà hầu hết không phải là đảng viên. Những hoạt động của Đảng trong giai đoạn này chỉ là một bộ phận dù là một bộ phận hết sức quan trọng, của sự giải phóng dân tộc chung”* (Diễn Đàn, 11/1995).

Cũng như về bản chất ĐCSVN, ông N. V. Trần đã giúp chúng ta hiểu rõ vấn đề bản lĩnh củ ĐCSVN và công lao của họ trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Như thế ông đã giúp chúng ta đánh giá mọi việc mọi người đúng tầm mức của nó.

Ông Trần đã đóng góp rất lớn vào việc tìm hiểu sự thực về ĐCSVN và về lịch sử Việt Nam trong nửa thế kỷ qua. Chúng ta thành thực ghi nhận sự đóng góp lớn lao này của ông, và cảm phục ông đã lương thiện, can đảm, thẳng thắn và vô tư trong việc làm sáng tỏ sự thực về lịch sử của xứ ta và dân ta. ■

Ottawa, 2 tháng Ba 1996